

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1333/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường,  
Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 152/TTr-SNNMT ngày 17 tháng 4 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn, cụ thể:

1. Cấp tỉnh: 02 quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính, các mã thủ tục hành chính số: 1.008675, 1.008682.

2. Cấp xã: 01 quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính, mã thủ tục hành chính số: 1.004082.

*(Quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế 02 quy trình giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 4422/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc ban hành mới, bãi bỏ quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; 01 quy trình giải quyết thủ tục hành chính cấp xã tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Khí tượng Thủy văn cấp tỉnh; thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực Môi trường cấp xã tỉnh Đồng Nai.

Các quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021, 1747/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND hết hiệu lực thi hành; Quyết định số 4422/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn còn giá trị pháp lý.

**Điều 3.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo các quy trình giải quyết thủ tục hành chính nêu trên.

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, và các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố lên Hệ thống thông tin và giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (Igate). Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, cổng dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT- TH Đồng Nai;
- Tổng đài DVC 1022 (phối hợp công khai);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Cổng TTĐT.



**Nguyễn Sơn Hùng**



**PHỤ LỤC**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA**  
**NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**PHẦN I**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

| STT        | Mã TTHC  | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                             | Thời hạn giải quyết                               | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ                                                                                                                                               | Quy trình |         | Số trang tại phần II |
|------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|----------------------|
|            |          |                                                                                                                                                    |                                                   |                                                                                                                                                                        | Nội bộ    | Điện tử |                      |
| I CẤP TỈNH |          |                                                                                                                                                    |                                                   |                                                                                                                                                                        |           |         |                      |
| I          | 1.008675 | Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ | 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ           | <b>Nộp hồ sơ tại:</b><br>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh<br>- Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh | x         | x       | 4                    |
| 2          | 1.008682 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học                                                                                                 | 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.          | <b>Nộp hồ sơ tại:</b><br>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh<br>- Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh | x         | x       | 5                    |
| II CẤP XÃ  |          |                                                                                                                                                    |                                                   |                                                                                                                                                                        |           |         |                      |
| I          | 1.004082 | Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích                                                                                            | Không quá 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>Nộp hồ sơ:</b> trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc gửi qua đường bưu điện tới Ủy ban nhân dân cấp xã.                                     | x         | x       | 6                    |

## PHẦN II

### NỘI DUNG QUY TRÌNH

#### I. CẤP TỈNH

#### QUY TRÌNH

**Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc danh lục loài được ưu tiên bảo vệ**

1. Thời hạn giải quyết: 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
2. Lưu đồ giải quyết:

| Nội dung công việc                                                                                              |   | Đơn vị thực hiện                                                        | Thời gian giải quyết (35 ngày) |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý                                                                           | → | Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | 0,5                            |
| Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý                                                                     | → | Lãnh đạo Chi cục                                                        | 0,5                            |
| Phòng quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn và pháp chế kiểm tra hồ sơ, hoàn thành thẩm định và báo cáo lãnh đạo chi cục | → | Phòng QLBR, BT và PC                                                    | 23                             |
| Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở                                                                                | → | Lãnh đạo Chi cục                                                        | 1                              |
| Duyệt báo cáo kết quả thẩm định và trình UBND Tỉnh                                                              | → | Lãnh đạo Sở                                                             | 2                              |
| Chuyển báo cáo thẩm định và hồ sơ về UBND tỉnh                                                                  | → | Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và môi trường | 0,5                            |
| Xem xét và ra Quyết định cấp phép                                                                               | → | UBND tỉnh                                                               | 7                              |
| Nhận kết quả từ văn phòng UBND tỉnh và trả cho tổ chức, cá nhân                                                 | → | Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và môi trường | 0,5                            |

## QUY TRÌNH

### Cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học

1. Thời hạn giải quyết: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Lưu đồ giải quyết

| Nội dung công việc                                                                                              |   | Đơn vị thực hiện                                                        | Thời gian giải quyết (60 ngày) |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý                                                                           | → | Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và MT         | 0,5                            |
| Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý                                                                     | → | Lãnh đạo chi cục                                                        | 0,5                            |
| Phòng quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn và pháp chế kiểm tra hồ sơ, hoàn thành thẩm định và báo cáo lãnh đạo chi cục | → | Phòng QLVR, BT và PC                                                    | 48                             |
| Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở                                                                                | → | Lãnh đạo chi cục                                                        | 1                              |
| Duyệt báo cáo kết quả thẩm định và trình UBND Tỉnh                                                              | → | Lãnh đạo Sở                                                             | 2                              |
| Chuyển báo cáo thẩm định và hồ sơ về UBND tỉnh                                                                  | → | Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và môi trường | 0,5                            |
| Xem xét và cấp giấy chứng nhận                                                                                  | → | UBND tỉnh                                                               | 7                              |
| Nhận kết quả từ văn phòng UBND tỉnh và trả cho tổ chức, cá nhân                                                 | → | Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và môi trường | 0,5                            |

## II. CẤP XÃ

### QUY TRÌNH (1)

Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích

1. Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

2. Lưu đồ giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                                                                    |   | Đơn vị thực hiện            | Thời gian giải quyết |
|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----------------------------|----------------------|
| 1                  | Tiếp nhận hồ sơ                                                                                                       | → | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | 0,5 ngày             |
|                    | Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn                                                                                     | → |                             |                      |
| 2                  | Kiểm tra và xem xét hồ sơ<br>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ hợp lệ hoặc không đạt thực hiện (thực hiện các bước tiếp theo) | → | Phòng chuyên môn môi trường | 0,5 ngày             |
| 3                  | Trình ký hồ sơ<br>- Trình ký xác nhận<br>- Trình văn bản trả                                                          | → | Văn phòng UBND cấp xã       | 0,25 ngày            |
| 4                  | Ký hồ sơ<br>- Ký xác nhận<br>- Ký văn bản trả                                                                         | → | Lãnh đạo UBND cấp xã        | 01 ngày              |
| 5                  | Nhận kết quả                                                                                                          | → | Văn phòng UBND cấp xã       | 0,25 ngày            |
| 6                  | Trả hồ sơ                                                                                                             | → | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | 0,5 ngày             |